TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN HẢI** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 7 - 2023.
V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hoàng Mai

2. Ông Lê Việt Hồng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Thanh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, về việc "*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Bé M, sinh năm 1981 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp 2, xã Hòn Tr, huyện Kiên Hải, Kiên Giang

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng Kh, sinh năm 1983 (Vắng mặt)
Địa chỉ: ấp 2, xã Hòn Tr, huyện Kiên Hải, Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2023, bản tự khai nguyên đơn bà Bùi Thị Bé M trình bày: Trên cơ sở tự tìm hiểu và tự nguyện yêu thương nhau, bà M và ông Nguyễn Trọng Kh quyết định chung sống vợ chồng vào năm 2017, hai bên có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian khoảng cuối năm 2019 giữa hai vợ chồng thường

xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không còn phù hợp. Nay bà M xin được ly hôn với ông Kh.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà M và ông Kh có 01 con chung tên Bùi Thị Ngọc Gi, sinh ngày 22/11/2018, giới tính nữ. Hiện cháu Gi do bà M trực tiếp nuôi dưỡng, bà M có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Gi đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống, bà M và ông Kh có vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Kiên Hải với số tiền 50.000.000đ, số nợ này vay dùng vào việc mua đồ đục đá để đi làm thuê phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã nhiều lần tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Trọng Kh nhưng ông Kh đều vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội huyện Kiên Hải, ông Phạm Khắc Qu trình bày: Ông Kh và bà M có vay Ngân hàng số tiền 50.000.000đ gồm chương trình phục vụ nước sạch vệ sinh 20.000.000đ và phục vụ kinh tế gia đình 30.000.000đ. từ khi vay đến nay ông Kh, bà M thực hiện tố nguồn vốn vay và đóng lãi đúng thời hạn. Nay yêu cầu ông Kh, bà Mai có trách nhiệm liên đới trả số tiền 50.000.000đ và lãi phát sinh đến khi trả xong số tiền đã vay.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị Bé M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn bà Bùi Thị Bé M khởi kiện tranh chấp xin ly hôn, nuôi con với ông Nguyễn Trọng Kh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải.

- Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn ông Nguyễn Trọng Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé M xin được ly hôn với ông Nguyễn Trọng Kh là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ giữa bà M và ông Kh đã có nhiều mâu thuẫn trong nhiều năm và đã ly thân từ nhiều năm nay, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Từ đó nhận thấy tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những cơ sở nhận định trên, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Bé M được ly hôn với ông Nguyễn Trọng Kh.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà M và ông Kh có 01 con chung tên: Bùi Thị Ngọc Gi, sinh ngày 22/11/2018. Bà M có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gi đến tuổi trưởng thành, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu này là có cơ sở bởi lẽ hiện nay bà M đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gi đồng thời cháu Hà Anh là giới tính nữ nên giao cho bà M nuôi dưỡng là phù hợp đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Gi. Bà M không yêu cầu ông Kh cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị Bé M phải chịu án phí sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Bé M được ly hôn với ông Nguyễn Trọng Kh.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Bé Gi, sinh ngày 22/11/2018 cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Gi đủ 18 tuổi, ông Kh không phải cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Bé M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007101 ngày 27/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang. Như vậy bà M đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Hải;
- Chi cục THADS huyện Kiên Hải;
- UBND xã Hòn Tr;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Tịnh